

Họ và tên thí sinh: .....

Số báo danh:.....

Mã đề 014

**Câu 41:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 21, cho biết trung tâm công nghiệp Đà Nẵng **không** có ngành công nghiệp nào sau đây?

- A. Điện tử. B. Cơ khí.  
C. Luyện kim đen. D. Đóng tàu.

**Câu 42:** Cảnh quan thiên nhiên tiêu biểu cho phần lãnh thổ phía Bắc nước ta là

- A. đới rừng cận xích đạo gió mùa.  
B. rừng nhiệt đới lá rộng thường xanh.  
C. đới rừng cận nhiệt đới gió mùa.  
D. đới rừng nhiệt đới gió mùa.

**Câu 43:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 30, cho biết tỉnh duy nhất thuộc vùng Bắc Trung Bộ nằm trong vùng kinh tế trọng điểm miền Trung?

- A. Thừa Thiên - Huế. B. Đà Nẵng.  
C. Quảng trị. D. Quảng Ngãi.

**Câu 44:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 20, cho biết hai tỉnh có sản lượng thủy sản nuôi trồng cao nhất nước ta?

- A. Kiên Giang, An Giang. B. Cần Thơ, Bạc Liêu.  
C. Cà Mau, Bạc Liêu. D. An Giang, Đồng Tháp.

**Câu 45:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 11, cho biết đất phèn tập trung nhiều nhất ở vùng nào sau đây?

- A. Duyên hải Nam Trung Bộ. B. Đồng bằng sông Hồng.  
C. Đồng bằng sông Cửu Long. D. Đông Nam Bộ.

**Câu 46:** Một trong những vấn đề mang tính toàn cầu mà nhân loại đang phải đối mặt là

- A. động đất và núi lửa. B. cạn kiệt nguồn nước ngọt.  
C. ô nhiễm môi trường. D. mất cân bằng giới tính.

**Câu 47:** Đảo lớn nhất trong khu vực Đông Nam Á là

- A. Mindanao. B. Xumatra C. Giava. D. Calimanta.

**Câu 48:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 10, cho biết hệ thống sông nào sau đây có diện tích lưu vực lớn nhất ở phần lãnh thổ phía Bắc của nước ta?

- A. Sông Hồng. B. Sông Thái Bình. C. Sông Cả. D. Sông Mã.

**Câu 49:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 14, cho biết miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ **không** có cao nguyên nào sau đây?

- A. Mơ Nông. B. Sơn La.  
C. Lâm Viên. D. Kon Tum.

**Câu 50:** Cấu trúc địa hình nước ta chạy theo hai hướng chính là

- A. hướng tây nam - đông bắc và hướng vòng cung.  
B. hướng tây bắc - đông nam và hướng vòng cung.  
C. hướng vòng cung và đông nam - tây bắc.  
D. hướng vòng cung và hướng đông bắc - tây nam.

**Câu 51:** Phát biểu nào sau đây **không** đúng về chất lượng nguồn lao động nước ta?

- A. Lao động đã qua đào tạo chiếm tỉ lệ cao.  
B. Trình độ lao động đang được nâng cao.  
C. Lực lượng lao động có trình độ cao còn ít.  
D. Công nhân kĩ thuật lành nghề còn thiếu nhiều.

**Câu 52:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 15, cho biết đô thị nào trong các đô thị sau có quy mô dân số trên 1 triệu người ở nước ta?

- A. Đà Nẵng, TP.Hồ Chí Minh, Cần Thơ.
- B. Hà Nội, Hải Phòng, Đà Nẵng.
- C. Hải Phòng, Đà Nẵng, TP.Hồ Chí Minh.
- D. Hà Nội, Hải Phòng, TP.Hồ Chí Minh.

**Câu 53:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 22 kết hợp với trang 10, cho biết nhà máy thủy điện Trị An nằm trên sông nào dưới đây?

- A. Sông La Ngà.
- B. Sông Đồng Nai.
- C. Sông Bé.
- D. Sông Sài Gòn.

**Câu 54:** Các nước Đông Nam Á chưa phát huy được hết lợi thế của biển để đánh bắt hải sản chủ yếu do

- A. các cơn bão nhiệt đới gây nhiều thiệt hại.
- B. phương tiện đánh bắt còn lạc hậu.
- C. môi trường biển một số vùng bị ô nhiễm.
- D. công nghệ chế biến tại chỗ còn thô sơ.

**Câu 55:** Yếu tố nào sau đây là chủ yếu nhất làm cho ngành công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm nước ta có cơ cấu đa dạng?

- A. Nguồn nguyên liệu tại chỗ phong phú và thị trường tiêu thụ rộng lớn.
- B. Thị trường tiêu thụ rộng lớn và cơ sở vật chất kĩ thuật phát triển.
- C. Nhiều thành phần kinh tế cùng sản xuất và nguyên liệu phong phú.
- D. Thị trường tiêu thụ rộng lớn và nhiều thành phần kinh tế tham gia.

**Câu 56:** Phát biểu nào sau đây **không** đúng với ý nghĩa chủ yếu của việc phát triển cơ sở hạ tầng giao thông vận tải ở Duyên hải Nam Trung Bộ?

- A. Tạo ra những thay đổi trong phân bố dân cư.
- B. Làm thay đổi sự phân công lao động theo lãnh thổ.
- C. Nâng cao hiệu quả bảo vệ tài nguyên, môi trường.
- D. Giúp đẩy mạnh sự giao lưu với các vùng khác.

**Câu 57:** Phát biểu nào sau đây **không** đúng với tài nguyên đất của Đồng bằng sông Cửu Long?

- A. Đất bị xâm thực, xói mòn và bạc màu chiếm diện tích rộng.
- B. Đất phù sa ngọt phân bố thành dải dọc sông Tiền, sông Hậu.
- C. Đất phèn và đất mặn có diện tích lớn hơn đất phù sa ngọt.
- D. Một vài loại đất thiếu dinh dưỡng hoặc đất quá chặt, khó thoát nước.

**Câu 58:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết nhận xét nào sau đây **không** đúng với chế độ nhiệt của nước ta?

- A. Biên độ nhiệt có xu hướng giảm dần từ Bắc vào Nam.
- B. Nhiệt độ trung bình tháng VII cao nhất ở vùng ven biển Trung Bộ.
- C. Nhiệt độ trung bình năm có xu hướng tăng dần từ Bắc vào Nam.
- D. Biến trình nhiệt của Nam Bộ có dạng hai cực đại và hai cực tiểu.

**Câu 59:** Điều kiện tự nhiên thuận lợi nhất về khai thác thủy sản ở Duyên hải Nam Trung Bộ là có

- A. nhiều bãi triều, đầm phá.
- B. vùng biển diện tích rộng.
- C. các ngư trường trọng điểm.
- D. nhiều vịnh biển, cửa sông.

**Câu 60:** Trung Quốc phát triển những ngành công nghiệp vật liệu xây dựng, đồ gốm, sứ, dệt may ở địa bàn nông thôn là do

- A. tận dụng nguồn tài nguyên khoáng sản phong phú.
- B. lực lượng lao động dồi dào và nguyên vật liệu sẵn có.
- C. phát huy thế mạnh nguồn lao động đông, dồi dào.
- D. nguồn lao động có trình độ cao và thị trường tiêu thụ.

**Câu 61:** Đặc điểm nào sau đây **không** đúng với tình hình xuất khẩu của nước ta từ sau Đổi mới đến nay?

- A. Thị trường được mở rộng và đa dạng hóa.
- B. Hoa Kỳ, Trung Quốc, Nhật Bản là các thị trường lớn.
- C. Kim ngạch xuất khẩu luôn luôn cao hơn nhập khẩu.
- D. Kim ngạch xuất khẩu nhìn chung tăng qua các năm.

**Câu 62:** Đặc điểm chủ yếu nhất của nền nông nghiệp Nhật Bản?

- A. Kỹ thuật thâm canh tiên tiến, năng suất cao.
- B. Khai thác triệt để đất trồng ở vùng sườn núi dốc.
- C. Trình độ cơ giới hóa và tự động hóa rất cao.
- D. Chú trọng áp dụng quy trình canh tác hiện đại.

**Câu 63:** Mục tiêu của ASEAN nhấn mạnh đến sự ổn định là vì

- A. các thế lực thù địch thường can thiệp, cạnh tranh giành ảnh hưởng.
- B. các nước trong khu vực còn nhiều tranh chấp về chủ quyền lãnh thổ.
- C. để nâng cao sức cạnh tranh của khu vực trên thị trường thế giới.
- D. nhằm thúc đẩy sự phát triển của các nước thành viên trong khu vực.

**Câu 64:** Phát biểu nào sau đây **không** đúng với hoạt động khai thác thế mạnh về nghề cá ở Duyên hải Nam Trung Bộ?

- A. Sản lượng cá biển chiếm phần lớn sản lượng thủy sản của vùng.
- B. Đánh bắt được nhiều loại cá quý như cá thu, cá ngừ, cá trích...
- C. Việc nuôi tôm hùm, tôm sú đang được phát triển ở nhiều tỉnh.
- D. Biển nhiều tôm, cá và các hải sản khác.

**Câu 65:** Phát biểu nào sau đây **không** đúng với công nghiệp điện lực của nước ta hiện nay?

- A. Nhiên liệu cho sản xuất điện ở miền Trung là khí tự nhiên.
- B. Nước ta có nhiều tiềm năng để phát triển công nghiệp điện.
- C. Trong cơ cấu sản lượng điện, nhiệt điện chiếm tỉ trọng lớn nhất.
- D. Hàng loạt nhà máy điện có công suất lớn đang hoạt động.

**Câu 66:** Ý nào sau đây **không** phải là điều kiện thuận lợi để phát triển công nghiệp ở vùng Bắc Trung Bộ?

- A. Có nguồn lao động dồi dào, giá rẻ.
- B. Có điều kiện thuận lợi về kỹ thuật và vốn.
- C. Có một số khoáng sản trữ lượng lớn.
- D. Có nguồn nguyên liệu từ nông lâm nghiệp.

**Câu 67:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 22, cho biết phát biểu nào sau đây đúng về công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm?

- A. Các ngành chế biến chính tương đối đa dạng.
- B. Tỉ trọng rất nhỏ trong toàn ngành công nghiệp.
- C. Tập trung dày đặc nhất ở ven biển miền Trung.
- D. Quy mô giá trị sản xuất các trung tâm đều lớn.

**Câu 68:** Đặc trưng quan trọng nhất của việc phát triển nền nông nghiệp hàng hoá ở nước ta hiện nay là

- A. quan tâm nhiều hơn đến thị trường tiêu thụ.
- B. tạo ra nhiều sản phẩm có giá trị rất cao.
- C. tạo ra nhiều sản phẩm có chất lượng tốt.
- D. phân bố ở những nơi có nhiều thuận lợi nhất.

**Câu 69:** Đặc điểm nào sau đây **không** đúng với đồng bằng sông Hồng?

- A. Thiếu nguyên liệu cho phát triển công nghiệp.
- B. Có nhiều thiên tai như bão, lũ lụt, hạn hán.
- C. Một số tài nguyên thiên nhiên bị xuống cấp.
- D. Tài nguyên thiên nhiên rất phong phú, đa dạng.

**Câu 70:** Biểu hiện của việc chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế nước ta là

- A. phát triển nhiều khu công nghiệp tập trung.
- B. các vùng kinh tế trọng điểm được hình thành.
- C. tăng tỉ trọng của công nghiệp và xây dựng.
- D. các vùng sản xuất chuyên canh được mở rộng.

**Câu 71:** Ở nước ta, thủy sản nuôi trồng đã vươn lên và vượt thủy sản khai thác cả về sản lượng và giá trị, nguyên nhân nào sau đây là chủ yếu?

- A. Hiệu quả kinh tế cao và tính chủ động trong sản xuất hàng hóa.
- B. Nuôi trồng tránh được những tác động tiêu cực của tự nhiên.

C. Những điều kiện để phát triển nuôi trồng đang có nhiều thuận lợi.

D. Chủ trương hạn chế khai thác để bảo vệ nguồn lợi thủy sản.

**Câu 72:** Việc phát triển vùng chuyên canh cây công nghiệp lâu năm ở Tây Nguyên đã đem lại ý nghĩa quan trọng nào sau đây về mặt kinh tế?

A. Nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả sản xuất các loại nông sản.

B. Góp phần bảo vệ tài nguyên rừng, đảm bảo sự an toàn cân bằng sinh thái.

C. Góp phần điều chỉnh sự phân bố dân cư và lao động trên địa bàn cả nước.

D. Thu hút lao động, tạo ra tập quán sản xuất mới cho đồng bào dân tộc.

**Câu 73:** Cho bảng số liệu:

**TỔNG SẢN PHẨM TRONG NƯỚC CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA,  
NĂM 2010 VÀ 2015**

(Đơn vị: tỷ đô la Mỹ)

Năm	Phi-lip-pin	Xin-ga-po	Thái Lan	Việt Nam
2010	199,6	236,4	340,9	116,3
2015	292,5	292,8	395,2	193,4

Căn cứ vào bảng số liệu, cho biết nhận xét nào sau đây đúng về tổng sản phẩm trong nước của một số quốc gia năm 2015 so với 2010?

A. Phi-lip-pin tăng chậm nhất.

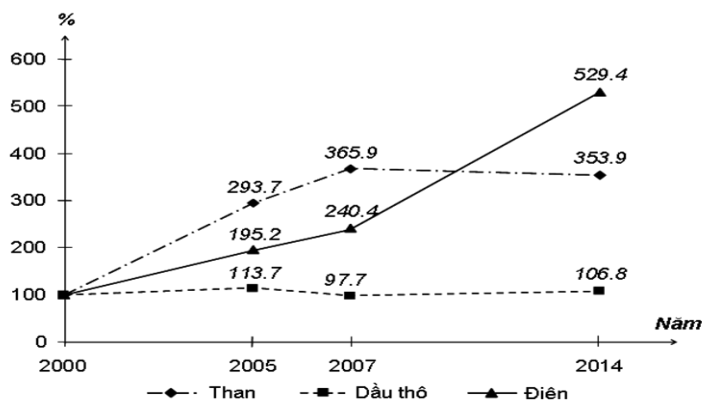
B. Việt Nam tăng nhanh nhất.

C. Thái Lan tăng nhiều nhất.

D. Xin-ga-po tăng ít nhất.

**Câu 74:** Cho biểu đồ:

**Tốc độ tăng trưởng một số sản phẩm công nghiệp ở nước ta  
giai đoạn 2000 - 2014**



Căn cứ vào biểu đồ đã cho, hãy cho biết nhận xét nào sau đây **không** đúng về tốc độ tăng trưởng một số sản phẩm công nghiệp ở nước ta giai đoạn 2000 - 2014 ?

A. Than tăng 353,9% và tăng nhanh nhất từ 2000 đến 2007.

B. Điện tăng 429,4% và tăng nhanh nhất từ 2007 đến 2014.

C. Dầu thô tăng 6,8% và tăng trưởng không ổn định.

D. Dầu thô luôn có tốc độ tăng trưởng chậm nhất.

**Câu 75:** Cho bảng số liệu:

**SỐ KHÁCH VÀ DOANH THU TỪ DU LỊCH CỦA NƯỚC TA**

Năm	2000	2005	2010	2014
Khách nội địa (triệu lượt người)	11,2	16,0	63,3	99,2
Khách quốc tế (triệu lượt người)	2,1	3,5	5,0	8,0
Doanh thu (tỷ USD)	17,4	30,0	44,4	66,8

Căn cứ vào bảng số liệu, cho biết nhận xét nào sau đây đúng về tình hình phát triển ngành du lịch nước ta?

A. Khách quốc tế tăng rất nhanh và chiếm tỉ trọng thấp.

B. Số lượng khách nội địa ít hơn khách quốc tế.

C. Khách nội địa tăng nhanh hơn khách quốc tế.

D. Doanh thu du lịch thấp và ngày càng giảm.

**Câu 76:** Vùng giàu tài nguyên khoáng sản bậc nhất nước ta là

